FireAnt

CTCP Vinhomes (HSX: VHM)

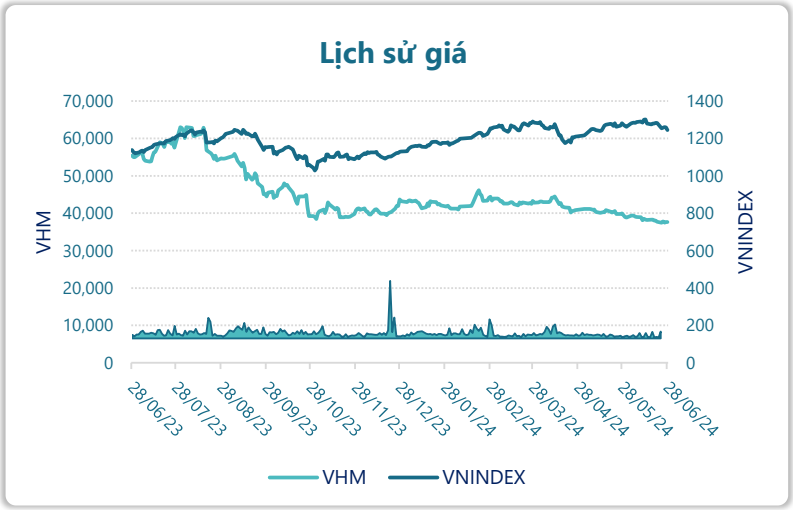

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**37,650**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,450
SL cổ phiếu LH	4,354,367,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,387,295
% sở hữu nước ngoài	15.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	163,942
P/E	7.1
EPS	5,325

DT thuần

Q2/24

28,218

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20,007| 244%

YoY: ▼4,396| -13.5%

LN sau thuế

Q2/24

10,609

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9,705| 1074%

YoY: ▲ 860| 8.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

48.6%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

6T 2024

36,429

tỷ VNĐ

YoY: ▼25,483| -41.2%

LN sau thuế

6T 2024

11,513

tỷ VNĐ

YoY: ▼10,159| -46.9%

ROE

Q2/24

12.3%

+/- YoY: ▼ 17.7%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

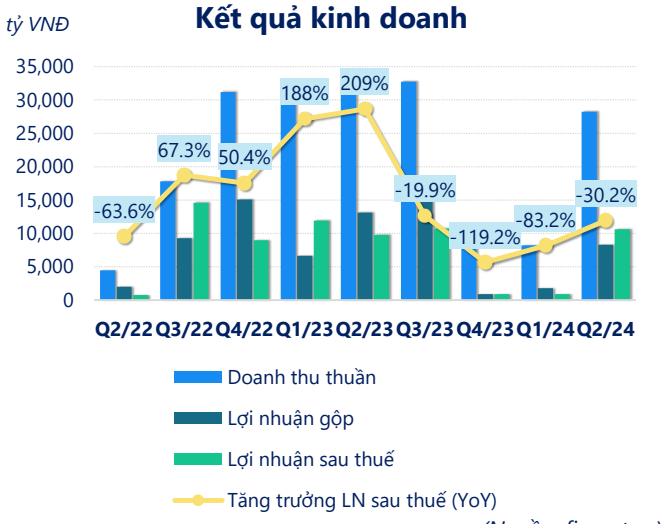

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

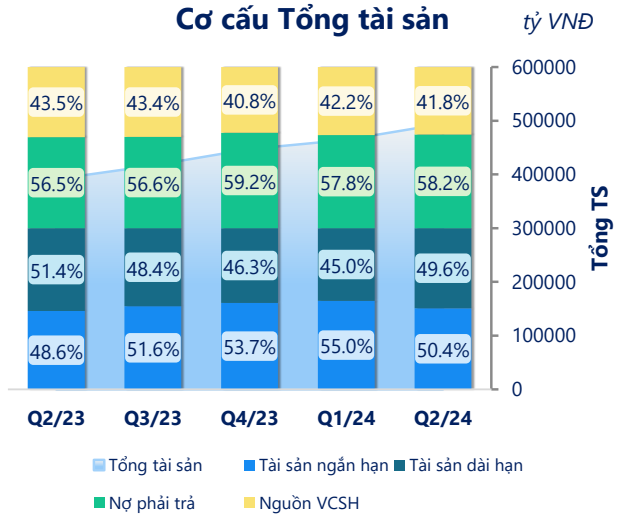

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

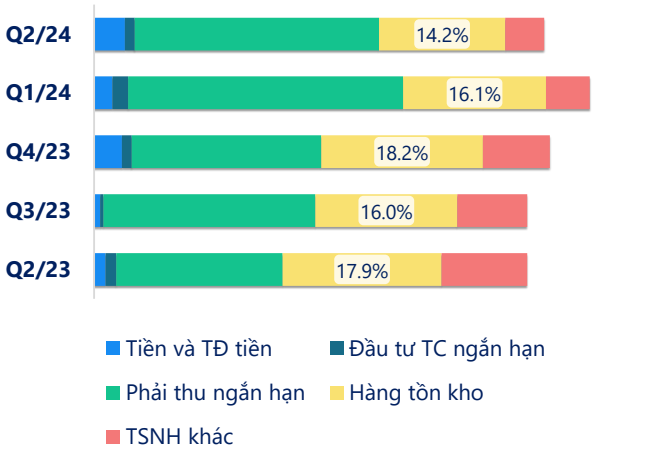

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

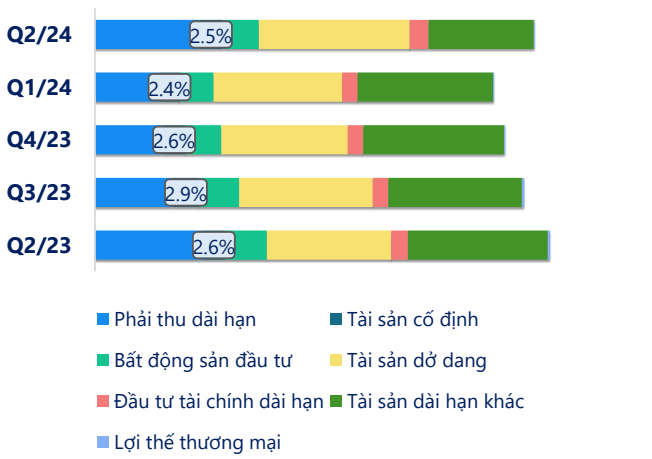

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

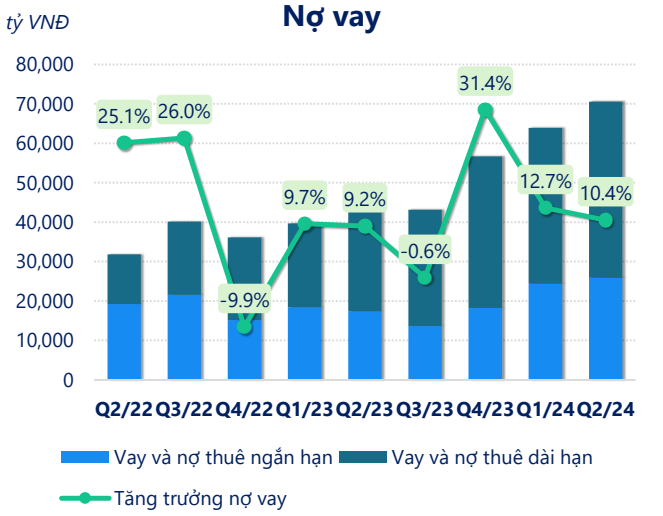

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

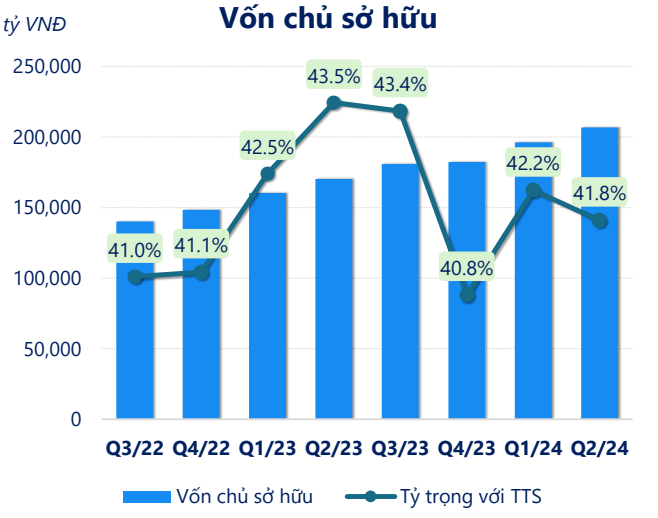

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

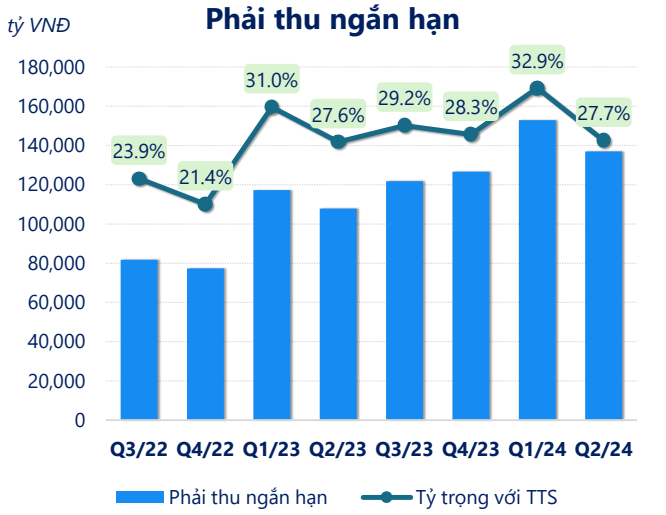

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

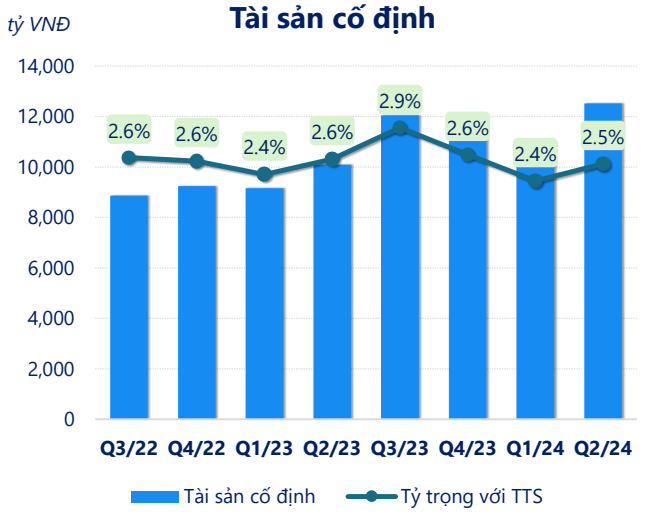

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

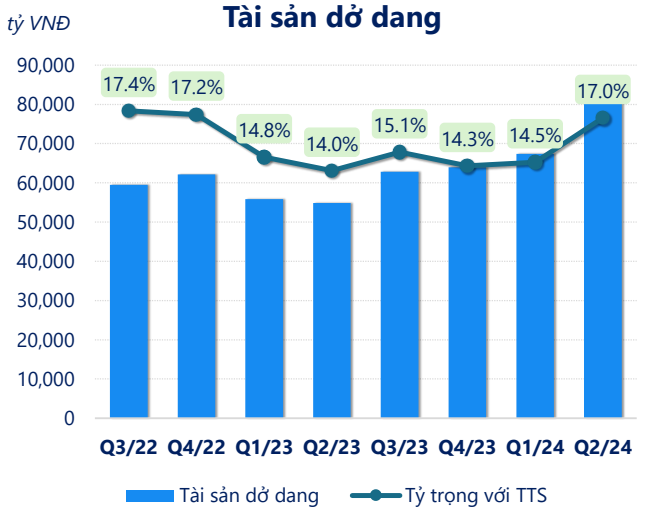

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

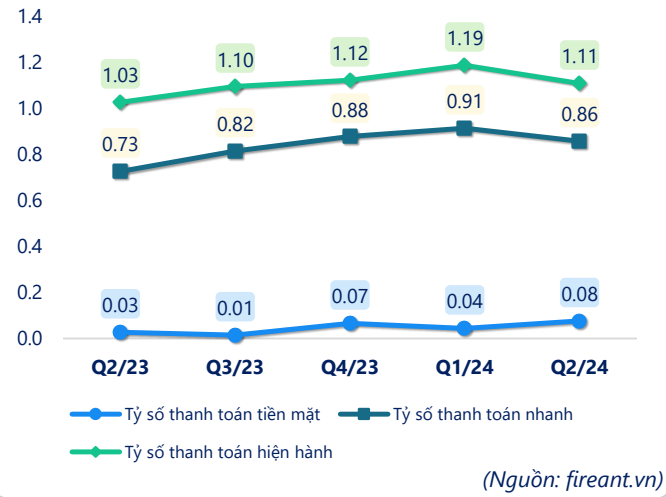

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

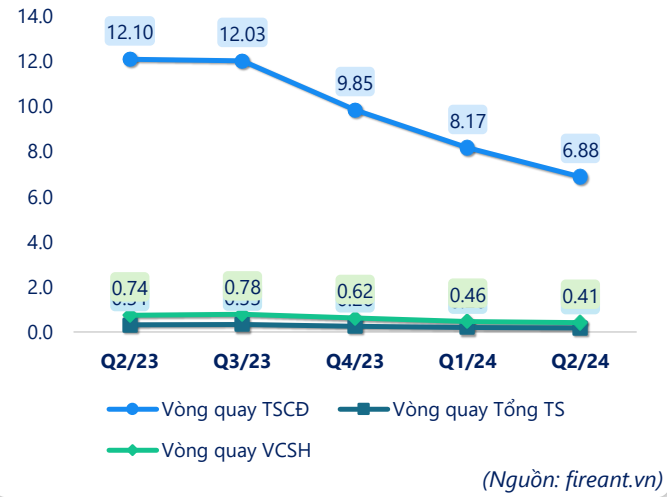

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**391,331**	**417,039**	**447,361**	**464,485**	**494,461**
Tài sản ngắn hạn	**190,310**	**215,058**	**240,250**	**255,296**	**249,058**
Tiền và tương đương tiền	5,105	2,910	14,104	9,525	17,180
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,332	4,639	3,833	3,629	3,674
Phải thu ngắn hạn	107,914	121,815	126,607	152,937	137,014
Hàng tồn kho	55,700	55,104	52,343	58,756	56,311
Tài sản ngắn hạn khác	17,258	30,590	43,363	30,449	34,879
Tài sản dài hạn	**201,020**	**201,982**	**207,111**	**209,189**	**245,403**
Phải thu dài hạn	47,441	36,795	34,064	33,582	58,435
Tài sản cố định	10,096	12,052	11,731	10,973	12,519
Bất động sản đầu tư	18,419	18,978	17,932	17,633	20,510
Tài sản dở dang	54,892	62,856	63,970	67,386	84,144
Đầu tư tài chính dài hạn	7,372	7,323	7,760	8,021	10,375
Tài sản dài hạn khác	61,698	62,929	71,018	70,996	58,861
Lợi thế thương mại	1,102	1,050	636	598	559
Nợ phải trả	**221,148**	**236,175**	**264,991**	**268,268**	**287,678**
Nợ ngắn hạn	**185,305**	**196,259**	**214,020**	**214,975**	**224,583**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17,381	13,638	18,290	24,401	25,893
Phải trả người bán ngắn hạn	18,297	17,865	20,607	19,210	18,684
Nợ dài hạn	35,843	39,916	50,971	53,294	63,095
Vay và nợ thuê dài hạn	25,988	29,488	38,394	39,496	44,646
Nguồn vốn chủ sở hữu	**170,183**	**180,865**	**182,369**	**196,216**	**206,783**
Vốn chủ sở hữu	**170,183**	**180,865**	**182,369**	**196,216**	**206,783**
Vốn điều lệ	43,544	43,544	43,544	43,544	43,544
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)